

Bản án số: 73/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 28 - 7 - 2025
V/v: “Tranh chấp hôn nhân và gia
đình - Ly hôn, nuôi con khi ly
hôn”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 5 - AN GIANG

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Danh Thanh Phát.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Văn Chi.

2. Ông Trương Thanh Tuấn.

- **Thư ký phiên tòa:** Ông Phan Đình Nguyên - Thư ký Tòa án nhân dân
Khu vực 5 - An Giang.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 5 - An Giang tham gia
phiên tòa:** Ông Trần Ngọc Nhiều - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 7 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 5 - A xét
xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 587/2024/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng
11 năm 2024 về “Tranh chấp hôn nhân và gia đình - Ly hôn, nuôi con khi ly
hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 02/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày
03 tháng 7 năm 2025, giữa các đương sự:

1. **Nguyên đơn:** Chị **Thị T1**, sinh năm: 1988 (có mặt).

2. **Bị đơn:** Anh **Huỳnh T**, sinh năm: 1986 (có đơn đề nghị vắng mặt).

Cùng địa chỉ: **Ấp N, xã B, huyện G, tỉnh Kiên Giang (nay là ấp N, xã G,
tỉnh An Giang).**

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai ngày 23/7/2024 và quá trình giải quyết
vụ án, chị **Thị T1** là nguyên đơn trình bày:

Chị và anh **T** tự nguyện kết hôn năm 2009, đăng ký kết hôn tại Ủy ban
nhân dân xã **T, huyện G, tỉnh Kiên Giang (nay là xã G, tỉnh An Giang)**; chung
sống hạnh phúc đến năm 2023 thì phát sinh mâu thuẫn trầm trọng do bất đồng
quan điểm sống, không hợp tính tình; cuối năm 2023, chị và các con về nhà
cha, mẹ ruột chị ở và sống ly thân với anh **T** cho đến nay. Trong thời gian sống
ly thân, anh **T** có liên hệ hàn gắn tình cảm vợ, chồng nhưng chị không đồng ý
về sống chung.

Quá trình chung sống chị và anh **T** có 03 người con là cháu **Huỳnh Nhựt P**, sinh ngày 30/01/2010, cháu **Huỳnh Nhựt P1**, sinh ngày 25/11/2011 và cháu **Huỳnh Thị Thiên H**, sinh ngày 16/02/2016; các con chung do chị và gia đình chị chăm sóc, nuôi dưỡng đảm bảo sự phát triển.

Chị khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết:

Về quan hệ hôn nhân: Chị xác định không còn tình cảm với anh **T** nên kiên quyết yêu cầu ly hôn.

Về con chung: Theo đơn khởi kiện chị yêu cầu nuôi các con chung (cháu **P**, cháu **P1** và cháu **H**), yêu cầu anh **T** cấp dưỡng nuôi các con theo quy định của pháp luật. Tại phiên tòa, chị tự nguyện rút yêu cầu về cấp dưỡng nuôi các con, chị vẫn đảm bảo quyền thăm con đối với anh **T**.

Về tài sản chung và nợ chung: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*Theo bản tự khai ngày 13/6/2025, anh **Huỳnh T** là bị đơn trình bày:*

Anh và chị **T1** tự nguyện kết hôn, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã **B**, huyện **G**, tỉnh **Kiên Giang** (nay là xã **G**, tỉnh **An Giang**); anh và chị **T1** đã sống ly thân với nhau hơn 01 năm nay, trong thời gian sống ly thân anh có liên hệ hàn gắn tình cảm vợ, chồng nhưng chị **T1** không đồng ý, anh còn thương vợ, con nên không đồng ý ly hôn.

Về con chung: Anh và chị **T1** có 03 người con chung (cháu **P**, cháu **P1** và cháu **H**), anh đồng ý để cho chị **T1** nuôi các con; về cấp dưỡng nuôi con hai bên tự thỏa thuận.

Về tài sản chung và nợ chung: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết, vì lý do công việc nên đề nghị vắng mặt trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án.

Tòa án xác minh, thu thập chứng cứ:

Trưởng ấp **N**, xã **B**, huyện **G**, tỉnh **Kiên Giang** (nay là ấp **N**, xã **G**, tỉnh **An Giang**) cung cấp như sau: Ban lãnh đạo Ấp không biết được nguyên nhân phát sinh tranh chấp giữa chị **T1** và anh **T**; các con của chị **T1** và anh **T** được chị **T1** và gia đình chị **T1** nuôi dưỡng ổn định, đảm bảo sự phát triển.

Phát biểu quan điểm của đại diện Viện kiểm sát:

Thẩm phán xác định quan hệ tranh chấp, tư cách đương sự, thẩm quyền giải quyết vụ án, xem xét việc thụ lý vụ án, cấp tổng đạt, thông báo các văn bản tố tụng; tiến hành thu thập chứng cứ đúng theo quy định.

Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của đương sự đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: Chị **T1** và anh **T** tự nguyện kết hôn, đăng ký kết hôn ngày 24/8/2011 tại Ủy ban nhân dân xã **B**, huyện **G**, tỉnh **An Giang** (nay là xã **G**, tỉnh **An Giang**), nên quan hệ hôn nhân của anh, chị là hợp pháp, kể từ thời điểm đăng ký kết hôn; hai bên xác định đã sống ly thân với nhau hơn 01 năm và có tự hàn gắn tình cảm nhưng chị **T1** không đồng ý về chung sống với anh **T**.

Tại phiên tòa, chị **T1** xác định không còn tình cảm với anh **T** nên yêu cầu ly hôn, mặc dù anh **T** không đồng ý ly hôn nhưng không đến tham gia phiên tòa nhằm đưa ra biện pháp hàn gắn tình cảm vợ, chồng. Xét thấy, hôn nhân của

chị **T1** và anh **T** đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình, đề nghị chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị **T1** đối với anh **T**.

Về con chung: Căn cứ khoản 2 Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình, đề nghị chấp nhận giao các con chung (cháu **P**, cháu **P1** và cháu **H**) cho chị **T1** được quyền nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng nuôi con: Tại phiên tòa, chị **T1** tự nguyện rút yêu cầu, căn cứ khoản 2 Điều 244 của Bộ luật Tố tụng dân sự, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận và đình chỉ xét xử.

Về tài sản chung và nợ chung: Chị **T1** và anh **T** không yêu cầu giải quyết, đề nghị không xem xét.

Về án phí: Đề nghị buộc chị **T1** phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Chị **Thị T1** yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn, nuôi con với anh **Huỳnh T**, đây là tranh chấp về ly hôn, nuôi con khi ly hôn theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Anh **Huỳnh T** là bị đơn cư trú tại **xã B, huyện G, tỉnh Kiên Giang (nay là xã G, tỉnh An Giang)**. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Khu vực 5 - An Giang.

Anh **Huỳnh T** có đơn đề nghị xét xử vắng mặt hợp lệ, căn cứ khoản 1 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt anh **T**.

[2]. Về nội dung vụ án:

Về quan hệ hôn nhân: Chị **T1** và anh **T** kết hôn năm 2009, hôn nhân trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn ngày 24/8/2011 tại **Ủy ban nhân dân xã B, huyện G, tỉnh Kiên Giang (nay là xã G, tỉnh An Giang)**. Cho nên, quan hệ hôn nhân giữa anh, chị là hợp pháp, kể từ thời điểm đăng ký kết hôn.

Chị **T1** xác định thời gian đầu chung sống hạnh phúc, sau đó xảy ra mâu thuẫn trầm trọng và hai bên sống ly thân với nhau, kể từ cuối năm 2023 cho đến nay, người nào chỉ biết bổn phận người đó, không còn quý trọng, chăm sóc, giúp đỡ nhau. Do đó, chị **T1** và anh **T** vi phạm nghiêm trọng về quyền, nghĩa vụ của vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án tiến hành thủ tục hòa giải, tạo điều kiện để hai bên giải quyết mâu thuẫn, hàn gắn tình cảm vợ, chồng nhưng không đạt kết quả do chị **T1** kiên quyết yêu cầu ly hôn; mặc dù, anh **T** không đồng ý ly hôn nhưng không đến Tòa án nhằm đưa ra biện pháp hàn gắn tình cảm vợ, chồng. Điều này cho thấy tình cảm vợ, chồng của chị **T1** và anh **T** đã phai nhạt, mâu thuẫn vợ chồng đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài,

mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, chị **T1** yêu cầu ly hôn với anh **T** là có cơ sở, căn cứ khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận cho chị **T1** được ly hôn với anh **T**.

Về con chung: Chị **T1** và anh **T** có 03 người con là cháu **Huỳnh Nhựt P**, sinh ngày 30/01/2010, cháu **Huỳnh Nhựt P1**, sinh ngày 25/11/2011 và cháu **Huỳnh Thị Thiên H**, sinh ngày 16/02/2016. Xét yêu cầu nuôi con chung của chị **T1**, Hội đồng xét xử thấy rằng: Theo bản tự khai anh **T** đồng ý để chị **T1** nuôi các con chung; các cháu **P**, **P1** và **H** (trên 07 tuổi) đều có nguyện vọng chung sống với mẹ là chị **T1**. Mặt khác, kết quả Tòa án xác minh Trưởng ấp nơi cư trú của đương sự cho thấy các cháu **P**, **P1** và **H** được chị **T1** và gia đình chị **T1** chăm sóc, nuôi dưỡng ổn định đảm bảo sự phát triển. Căn cứ khoản 2 Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận giao các cháu **P**, **P1** và **H** cho chị **T1** nuôi dưỡng.

Anh **T** được quyền đến thăm nom, chăm sóc và giáo dục các con chung không ai được quyền cản trở.

Về yêu cầu cấp dưỡng nuôi con: Chị **T1** xác định đủ điều kiện nuôi con nên tự nguyện rút yêu cầu. Xét thấy, việc rút yêu cầu về cấp dưỡng khi ly hôn của chị **T1** là tự nguyện, không trái với quy định của pháp luật, căn cứ khoản 2 Điều 244 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử chấp nhận và đình chỉ xét xử, hậu quả của việc đình chỉ yêu cầu đã rút đương sự có quyền khởi kiện lại.

Việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con; nghĩa vụ, quyền của cha, mẹ không trực tiếp nuôi con; nghĩa vụ, quyền của cha, mẹ trực tiếp nuôi con đối với người không trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn được thực hiện theo quy định tại các Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình.

Về tài sản chung và nợ chung: Chị **T1** và anh **T** không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

[3]. Về án phí: Căn cứ khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chị **T1** phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000 đồng, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng, theo biên lai thu tiền số 0008921 ngày 06/11/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang. Chị **T1** đã nộp đủ án phí sơ thẩm.

[4]. Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát về việc giải quyết vụ án là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, khoản 2 Điều 244, Điều 266, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Khoản 1 Điều 56, khoản 1 Điều 57, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình;

Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận cho chị **Thị T1** được ly hôn với anh **Huỳnh T**.

2. Về con chung: Giao các cháu **Huỳnh Nhựt P**, sinh ngày 30/01/2010, cháu **Huỳnh Nhựt P1**, sinh ngày 25/11/2011 và cháu **Huỳnh Thị Thiên H**, sinh ngày 16/02/2016 cho chị **Thị T1** chăm sóc, nuôi dưỡng.

Anh **T** được quyền đến thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung không ai được quyền cản trở.

Đình chỉ xét xử yêu cầu về việc chị **T1** yêu cầu anh **T** cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

3. Về án phí ly hôn sơ thẩm: Chị **Thị T1** phải chịu án phí là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng), được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng), theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0008921 ngày 06 tháng 11 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang (nay là Phòng Thi hành án dân sự Khu vực 5 - An Giang); chị **T1** đã nộp đủ án phí sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: **Chị Thị T1** có quyền kháng cáo trong thời hạn luật định 15 ngày, kể từ ngày tuyên án (ngày 28/7/2025). Anh **Huỳnh T** có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn luật định là 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 của Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

-TAND tỉnh AG;
-VKSND KV5;
-THA tỉnh AG;
-Phòng THA KV5;
-UBND xã GR;
-Các đương sự;
-Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Danh Thanh Phát

